

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
-----&☐&-----**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
CHUYÊN NGÀNH GYM – FITNESS**

Thành phố Hồ Chí Minh, Năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
CHUYÊN NGÀNH GYM – FITNESS

Thành phố Hồ Chí Minh, Năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình	: GIÁO DỤC THỂ CHẤT (GYM – FITNESS) PHYSICAL EDUCATION (GYM – FITNESS)
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Giáo dục thể chất
Mã số	: 7140206
Tên gọi của văn bằng	: Cử nhân Giáo dục thể chất

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức và thể chất. Nắm vững kiến thức cơ bản về huấn luyện Gym-Fitness trong chuyên ngành giáo dục thể chất (GDTC). Đồng thời có khả năng vận dụng những tri thức này vào thực tế trong việc huấn luyện và giảng dạy phong trào thể dục thể thao (TDTT).

Sinh viên tốt nghiệp chương trình huấn luyện Gym-Fitness có thể đạt được các kỹ năng nghề nghiệp và có thể tham gia huấn luyện, giảng dạy, giáo dục học sinh, sinh viên theo các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Có khả năng dạy, điều hành và quản lý về câu lạc bộ Gym-Fitness chuyên nghiệp và làm phong trào, thể thao trường học, thể thao giải trí, tiếp thị thể thao, tổ chức sự kiện thể thao, công trình thể thao, kinh doanh thể thao, thông tin truyền thông thể thao và tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT đáp ứng phù hợp với thực tế nhu cầu xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên ngành Giáo dục thể chất (Gym – Fitness) sau khi tốt nghiệp phải có:

- *Kiến thức:*

PO1: Sinh viên được cung cấp những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, những kiến thức tổng quát về giáo dục thể chất đặc biệt là những kiến thức về chuyên ngành Gym-Fitness.

- *Kỹ năng:*

PO2: Có khả năng huấn luyện và giảng dạy môn Gym-Fitness ở các trường học, các câu lạc bộ (CLB) quần chúng và CLB chuyên nghiệp.

PO3: Có khả năng chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực TDTT hoặc tổ chức hướng dẫn hoạt động TDTT tại các đơn vị TDTT cơ sở.

PO4: Có kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động TDTT, làm tốt công tác tổ chức, điều

hành các hoạt động tập thể, công tác Đoàn, Đội tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

PO5: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với học sinh và đồng nghiệp đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục và xử lý tốt các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy, quản lý, giáo dục học sinh và sinh viên.

- *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

PO6: Chương trình hướng đến mục tiêu đào tạo cho sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là đạo đức trong lĩnh vực thể thao. Có tinh thần vì sự phát triển cộng đồng và con người.

PO7: Sinh viên chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên rèn luyện sức khỏe. Có khả năng tự tin, tự lập, sáng tạo, tự nâng cao tri thức.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Giáo dục thể chất (Gym – Fitness), sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

2.1. Kiến thức

PLO1. Có kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ và kiến thức tổng quát về giáo dục thể chất.

PLO2. Có đầy đủ những kiến thức, phương pháp giảng dạy, huấn luyện TDTT trong nhà trường, các CLB thể thao.

PLO3: Có kiến thức vững vàng về huấn luyện viên cá nhân (huấn luyện viên Gym – Fitness).

PLO4: Có kiến thức sâu sắc về phương pháp quản lý, điều hành CLB, phòng tập thể hình – Fitness.

2.2. Kỹ năng

PLO5. Tổ chức tốt công tác giảng dạy và huấn luyện môn Gym-Fitness, các môn thể thao khác tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, các CLB thể thao quần chúng và CLB thể thao chuyên nghiệp.

PLO6. Có kỹ năng quản lý, điều hành các CLB thể thao quần chúng và CLB thể thao chuyên nghiệp

PLO7. Vận dụng tốt kiến thức chuyên môn vào công tác tổ chức, hướng dẫn các hoạt động TDTT tại những cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực TDTT, các đơn vị TDTT cơ sở, tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO8. Có kỷ luật và tôn trọng pháp luật

PLO9. Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt, đặc biệt là đạo đức trong lĩnh vực thể thao, có trách nhiệm trong công việc.

PLO10. Có tinh thần vì sự phát triển cộng đồng và con người và thể hiện trách nhiệm với xã hội (Đạt điểm rèn luyện và ngày công tác xã hội theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng).

PLO11. Năng động tự tin trong công việc; có bản lĩnh ý chí vươn lên, khẳng định bản thân, phát triển nghề nghiệp.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 TC

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế Đào tạo Đại học của Trường.

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	Giáo dục đại cương	25	0
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	93	2
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	7	0
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	42	2
	III. Khối kiến thức chuyên ngành	30	0
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	14	0
TỔNG		118	2
		120	

❖ **Khối kiến thức giáo dục đại cương** có 25 tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của chuyên ngành Gym -Fitness.

❖ **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** có 95 tín chỉ (93 bắt buộc và 02 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức cuối khoá nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về Gym – fitness. Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/Các môn thay thế.

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 25 TC (Bắt buộc: 25 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 20,83% số TC CTĐT													
I	Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh		11											
1	05068	Triết học Mác – Lê nin	3	3		3		45	90					I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	2		2		30	60	1				II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		2		30	60					II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		2		30	60		2			III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		2		30	60		2			III

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
II	Pháp luật		4											
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2		2		30		60				IV
7	00008	Tin học đại cương	2	2		2		30		90				III
III	Khoa học xã hội		4											
8	PE1001	Tâm lý học đại cương	2	2		2		30		60				II
9	PE1002	Giáo dục học đại cương	2	2		2		30		60				II
IV	Ngoại ngữ		6											
10	GE1017	Anh văn I	3	3		3		45		90				I
11	GE1018	Anh văn II	3	3		3		45		90	10			II
V	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8											
12	02309	LT - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	5*	5		5*		75		150				I
13	02310	TH - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	3*		3	3*			90	90				II
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 TC (Bắt buộc: 93 TC; Tự chọn: 2 TC), chiếm 79,16% số TC CTĐT													
I	Khối kiến thức cơ sở Khối Ngành: 7 TC (Bắt buộc: 7 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 5,83% số TC CTĐT													
14	04808	Tư duy biện luận	3	3		3		45		90				I
15	PE2002	Giao tiếp sư phạm	2	2		2		30		60				V
16	PE1003	Tâm lý lứa tuổi và dạy học	2	2		2		30		60				V
II	Khối kiến thức cơ sở Ngành: 44 TC (Bắt buộc: 42 TC; Tự chọn: 2 TC), chiếm 36,66% số TC CTĐT													
17	PE2001	Giới thiệu ngành	1	1		1		15		30				I
18	PE2007	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	3		3		45		90				II
19	PE2003	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2		2		30		60	8			III
20	PE2008	Sinh lý học thể dục thể thao	3	3		3		45		90	18			III
21	PE2009	Sinh hóa thể dục thể thao	2	2		2		30		60				III
22	PE2014	Anh Văn chuyên ngành I	3	3		3		45		90	11			III
23	PE2015	Anh Văn chuyên ngành II	4	4		4		60		120	22			IV
24	PE2004	Giáo dục học thể dục thể thao	3	3		3		45		90	9			IV
25	PE2005	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	3	3		3		45		90	20			IV
26	PE2010	Sinh cơ thể dục thể thao	2	2		2		30		60				IV
27	PE2012	Toán học thống kê và Đo lường thể dục thể thao	2	2		2		30		60				IV
28	PE2013	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao	2	2		2		30		60				VI
29	PE2006	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trong trường học	2	2		2		30		60	25			V
30	PE2011	Kiểm tra y học thể dục thể thao	2	2		2		30		60				V
31	PE2016	Kinh doanh & Marketing thể thao	2	2		2		30		60				VI
32	PE2018	Điện kinh	1		1	1			30	30				I
33	PE2019	Thể dục	1		1	1			30	30				I
34	PE2021	Bóng đá	1		1	1			30	30				II
35	PE2020	Bơi lội	1		1	1			30	30				IV
36	PE2023	Kick fit	1		1	1			30	30				V

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
37	PE2022	Yoga	1		1	1			30	30				VI
Học phần tự chọn (2TC, chọn 2TC/12HP)														
38	PE2024	Võ thuật	1		1		1		30	30				V
39	PE2025	Cờ vua	1		1		1		30	30				V
40	PE2026	Quần vợt	1		1		1		30	30				V
41	PE2027	Trò chơi vận động	1		1		1		30	30				V
42	PE2028	Golf	1		1		1		30	30				V
43	PE2029	Đá cầu	1		1		1		30	30				V
44	PE2030	Khiêu vũ	1		1		1		30	30				V
45	PE2031	Xe đạp – Gym	1		1		1		30	30				VI
46	PE2032	Body Pump – Gym	1		1		1		30	30				VI
47	PE2033	Body Combat – Gym	1		1		1		30	30				VI
48	PE2034	Aerobic step – Gym	1		1		1		30	30				VI
49	PE2035	Zumba - Gym	1		1		1		30	30				VI
II Khối kiến thức chuyên ngành: 30 TC (Bắt buộc: 30 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 25% số TC CTĐT														
50	PE3001	Lý luận và nguyên tắc cơ bản trong tập luyện Gym - Fitness	2	2			2		30		60			I
51	PE3002	Kỹ thuật và phương pháp huấn luyện Gym-Fitness	3	3			3		45		90			II
52	PE3007	Dinh dưỡng - Doping trong tập luyện Thể hình - Fitness	2	2			2		30		60			III
53	PE3003	Chấn thương và một số bệnh thường gặp trong thể thao	2	2			2		30		60			IV
54	PE3004	Vận động trị liệu - Hồi phục sau tập luyện thể thao	2	2			2		30		60			V
55	PE3005	Tổ chức thi đấu Gym-Fitness	2	2			2		30		60			VI
56	PE3006	Phương pháp tổ chức và quản lý phòng Gym	3	3			3		45		90			VI
57	PE3008	Thể thao chuyên ngành 1	2		2		2			60	60			I
58	PE3009	Thể thao chuyên ngành 2	2		2		2			60	60	57		II
59	PE3010	Thể thao chuyên ngành 3	2		2		2			60	60	58		III
60	PE3011	Thể thao chuyên ngành 4	2		2		2			60	60	59		IV
61	PE3012	Thể thao chuyên ngành 5	2		2		2			60	60	60		V
62	PE3013	Thể thao chuyên ngành 6	2		2		2			60	60	61		VI
63	PE3014	Thể thao chuyên ngành 7	2		2		2			60	60	62		VII
III Khối kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 14TC (Bắt buộc: 14TC; Tự chọn: 0TC), chiếm 11,66% số TC CTĐT														
64	PE3015	Thực tập sự phạm 1	4		4		4			120				V
65	PE3016	Thực tập sự phạm 2	4		4		4			120		64		VI
66	PE3017	Khóa luận tốt nghiệp	6	6			6		90	0	180			VII
V Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
67	PE3018	Giáo dục học sinh, vận động viên trẻ	3	3			3		45	0	90			VII
68	PE3019	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể dục thể thao trẻ	3	3			3		45	0	90			VII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 120 TC (Bắt buộc: 118 TC; Tự chọn: 2 TC)														

8. Tổ chức thực hiện (Kế hoạch giảng dạy)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)			16	12	4	16	0	150	120
1	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	0
2	05068	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	0	45	0
3	04808	Tư duy biện luận	3	3	0	3	0	45	0
4	PE2001	Giới thiệu ngành	1	1	0	1	0	15	0
5	PE2019	Thể dục	1	0	1	1	0	0	30
6	PE2018	Điện kinh	1	0	1	1	0	0	30
7	PE3001	Lý luận và nguyên tắc cơ bản trong tập luyện Gym - Fitness	2	2	0	2	0	30	0
8	PE3008	Thể thao chuyên ngành I	2	0	2	2	0	0	60
9	02309	LT - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	5*	5	0	5*	0	75	
Học kỳ II: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0TC)			20	17	3	20	0	255	90
1	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	0
2	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	0	30	0
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0
4	PE1002	Giáo dục học đại cương	2	2	0	2	0	30	0
5	PE1001	Tâm lý học đại cương	2	2	0	2	0	30	0
6	PE2007	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	3	0	3	0	45	0
7	PE2021	Bóng đá	1	0	1	1	0	0	30
8	PE3002	Kỹ thuật và phương pháp huấn luyện Gym-Fitness	3	3	0	3	0	45	0
9	PE3009	Thể thao chuyên ngành 2	2	0	2	2	0	0	60
10	02310	TH - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	3*	0	3	3*	0	0	90
Học kỳ III: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)			20	18	2	20	0	270	60
1	05071	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0
2	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0
3	00008	Tin học Đại cương	2	2	0	2	0	30	0
4	PE2008	Sinh lý học thể dục thể thao	3	3	0	3	0	45	0
5	PE2009	Sinh hóa thể dục thể thao	2	2	0	2	0	30	0
6	PE2003	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2	0	2	0	30	0
7	PE2014	Anh Văn chuyên ngành I	3	3	0	3	0	45	0

8	PE3007	Dinh dưỡng - Doping trong tập luyện Thể hình - Fitness	2	2	0	2	0	30	0
9	PE3010	Thể thao chuyên ngành 3	2	0	2	2	0	0	60
Học kỳ IV: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0TC)			21	18	3	21	0	270	90
1	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0
2	PE2004	Giáo dục học thể dục thể thao	3	3	0	3	0	45	0
3	PE2005	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	3	3	0	3	0	45	0
4	PE2010	Sinh cơ thể dục thể thao	2	2	0	2	0	30	0
5	PE2012	Toán học thống kê và Đo lường thể dục thể thao	2	2	0	2	0	30	0
6	PE2015	Anh Văn chuyên ngành II	4	4	0	4	0	60	0
7	PE2020	Bơi lội	1	0	1	1	0	0	30
8	PE3003	Chấn thương và một số bệnh thường gặp trong thể thao	2	2	0	2	0	30	0
9	PE3011	Thể thao chuyên ngành 4	2	0	2	2	0	0	60
Học kỳ V: 18 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 1 TC) Chọn 1 trong 6 môn			18	10	8	17	1	150	240
1	PE1003	Tâm lý lứa tuổi và dạy học	2	2	0	2	0	30	0
2	PE2002	Giao tiếp sư phạm	2	2	0	2	0	30	0
3	PE2006	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trong trường học	2	2	0	2	0	30	0
4	PE2011	Kiểm tra y học thể dục thể thao	2	2	0	2	0	30	0
5	PE2023	Kick fit	1	0	1	1	0	0	30
6	PE3004	Vận động trị liệu - Hồi phục sau tập luyện thể thao	2	2	0	2	0	30	0
7	PE3012	Thể thao chuyên ngành 5	2	0	2	2	0	0	60
8	PE3015	Thực tập sư phạm 1	4	0	4	4	0	0	120
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 7 môn)									
9	PE2024	Võ thuật	1	0	1	0	1	0	30
10	PE2025	Cờ vua	1	0	1	0	1	0	30
11	PE2026	Quần vợt	1	0	1	0	1	0	30
12	PE2027	Trò chơi vận động	1	0	1	0	1	0	30
13	PE2028	Golf	1	0	1	0	1	0	30
14	PE2029	Đá cầu	1	0	1	0	1	0	30
15	PE2030	Khiêu vũ	1	0	1	0	1	0	30
Học kỳ VI: 17 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 1 TC) Chọn 1 trong 6 môn			17	9	8	16	1	135	240
1	PE2016	Kinh doanh & Marketing thể thao	2	2	0	2	0	30	0
2	PE3006	Phương pháp tổ chức và quản lý phòng Gym	3	3	0	3	0	45	0
3	PE3005	Tổ chức thi đấu Gym-Fitness	2	2	0	2	0	30	0
4	PE2013	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao	2	2	0	2	0	30	0
5	PE2022	Yoga	1	0	1	1	0	0	30
6	PE3013	Thể thao chuyên ngành 6	2	0	2	2	0	0	60
7	PE3016	Thực tập sư phạm 2	4	0	4	4	0	0	120
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 5 môn)									
8	PE2031	Xe đạp - Gym	1	0	1	0	1	0	30

9	PE2032	Body Pump – Gym	1	0	1	0	1	0	30
10	PE2033	Body Combat – Gym	1	0	1	0	1	0	30
11	PE2034	Aerobic step – Gym	1	0	1	0	1	0	30
12	PE2035	Zumba - Gym	1	0	1	0	1	0	30
Học kỳ VII: 08 TC (Bắt buộc: 08TC; Tự chọn: 0 TC)			8	6	2	8	0	90	60
1	PE3014	Thể thao chuyên ngành 7	2	0	2	2	0	0	60
2	PE3017	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0	6	0	90	0
3	PE3018	Giáo dục học sinh, vận động viên trẻ	3	3	0	3	0	45	0
4	PE3019	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể dục thể thao trẻ	3	3	0	3	0	45	0

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần

9.1. Triết học Mác – Lênin

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Cung cấp cho học viên kiến thức so sánh sự biểu hiện của quy luật giá trị, quy luật giá trị thặng dư, cơ chế kinh tế của nghĩa tư bản trong các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, những nhận thức mới về sở hữu, về quan hệ lợi ích – trước và sau đổi mới ở Việt Nam, phân tích bản chất của Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thực tiễn quan hệ sở hữu và quan hệ lợi ích kinh tế, các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới, nội dung và điều kiện tiền đề để đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

9.3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Cung cấp cho học viên vị trí, đối tượng, chức năng, phương pháp của môn chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội, xã hội chủ nghĩa, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, cách mạng xhcn, chế độ xhcn và nhà nước xhcn, cơ cấu xã hội-giai cấp trong thời kỳ quá độ lên cnxh và liên minh công-nong-trí thức trong thời kỳ quá độ lên cnxh, cnxh với vấn đề dân tộc, gia đình. Phát huy nhân tố con người trong quá trình xây dựng cnxh, cuộc đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội.

9.4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Cung cấp cho học viên kiến thức về sự ra đời của Đảng, Đảng lãnh đạo giành chính quyền (1930-1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến và xây dựng chế độ mới (1945-1975), Đảng lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2000).

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.6. Pháp luật đại cương

Trang bị cho học viên kiến thức về nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật. Giới thiệu những khái niệm cơ bản về pháp luật. Giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, tập trung vào một số ngành luật thông dụng giúp sinh viên ứng xử, chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước cũng như các quy định pháp luật, đảm bảo kỷ cương xã hội, bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân.

9.7. Tin học đại cương

Cung cấp cho sinh viên có thể hiểu được một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng MS Word; sử dụng MS Power Point để soạn thảo các chương trình hướng dẫn, báo cáo thông qua máy chiếu, sử dụng các hàm căn bản trong MS Excel để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

9.8. Tâm lý học đại cương

Trang bị cho học sinh một số kiến thức, khái niệm của quá trình tâm lý, thuộc tính tâm lý, các qui luật hoạt động và vai trò của chúng. Giúp cho sinh viên cách nhìn và giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống, công việc một cách có khoa học. Qua đó, biết vận dụng vào quá trình tập luyện chuyên môn hiện tại và công tác sau này.

9.9. Giáo dục học đại cương

Học phần Giáo dục học đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề chung của giáo dục học và lý luận dạy học đại cương, làm cơ sở khoa học cho sinh viên học tập, nghiên cứu giáo dục học phổ thông, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn.

9.10. Anh văn I

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng trong việc sử dụng ngoại ngữ, có thể trình bày được cấu trúc ngữ pháp, có được một vốn từ căn bản và cần thiết để có khả năng nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp có thể đọc hiểu tài liệu, trao đổi và sưu tầm thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu bằng ngoại ngữ với sự trợ giúp của từ điển làm nền tảng để tiếp cận khoa học kỹ thuật, học tập và nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, tạo cơ hội cho học sinh nâng cao kiến thức và ý thức về những khác biệt văn hoá liên quan đến việc sử dụng ngoại ngữ hợp tác trong lao động và giao tiếp.

9.11. Anh văn II

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng trong việc sử dụng ngoại ngữ, có thể trình bày được cấu trúc ngữ pháp, có được một vốn từ căn bản và cần thiết

để có khả năng nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp có thể đọc hiểu tài liệu, trao đổi và sưu tầm thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu bằng ngoại ngữ với sự trợ giúp của từ điển làm nền tảng để tiếp cận khoa học kỹ thuật, học tập và nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, tạo cơ hội cho học sinh nâng cao kiến thức và ý thức về những khác biệt văn hoá liên quan đến việc sử dụng ngoại ngữ hợp tác trong lao động và giao tiếp.

9.12. Lý thuyết Giáo dục quốc phòng - an ninh

Giới thiệu những vấn đề cơ bản về Đường lối quốc phòng và an ninh; Công tác quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nội dung thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

9.13 Thực hành Giáo dục quốc phòng - an ninh

Cung cấp cho người học những kiến thức để thực hiện được các thao tác cơ bản trong Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật nhằm rèn luyện tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường. Nội dung thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

9.14 Tư duy biện luận

Trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết vấn đề và phản biện vấn đề sẽ giúp cho người học tự chủ tốt hơn những kỳ vọng của mình, xoay sở tốt hơn trong nhiều tình huống của một sự việc, tự tin hơn khi tham gia thảo luận một vấn đề.

9.15 Giao tiếp sư phạm

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sư phạm cơ bản nhất, giúp vận dụng trong chính quá trình học tập hiện tại, trong cuộc sống và trong nghề nghiệp tương lai. Trang bị những kỹ năng cơ bản về giao tiếp của con người trong cuộc sống và trong hoạt động sư phạm. Qua đó, sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn quá trình sư phạm và cuộc sống.

9.16 Tâm lý lứa tuổi và dạy học

Chỉ ra các đặc điểm của tâm lý con người, được hình thành phát triển trong từng giai đoạn lứa tuổi, quy luật hình thành các đặc điểm tâm lý trong mỗi con người ở từng giai đoạn phát triển, động lực của sự phát triển tâm lý, Tìm ra quy luật lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, trong quá trình dạy học, tìm ra những biến đổi tâm lý của học sinh do ảnh hưởng của giáo dục và dạy học, đặc trưng lao động của giáo dục, năng lực sư phạm của giáo viên, từ đó tổ chức hợp lý quá trình sư phạm nâng cao hiệu quả giáo dục và giảng dạy.

9.17 Giới thiệu ngành

Giúp cho sinh viên nắm rõ mục tiêu của chương trình đào tạo cũng như cơ hội

việc làm sau tốt nghiệp. Nắm rõ khung chương trình đào tạo và các yêu cầu về học vụ. Hiểu biết về yêu cầu của các khối kiến thức chuyên ngành như bắt buộc, tự chọn, học phần nghề nghiệp, và học phần tốt nghiệp. Vận dụng kiến thức tổng quan và các hướng dẫn học vụ để có định hướng học tập hiệu quả.

9.18 Giải phẫu học thể dục thể thao

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu tạo cơ thể, đặc biệt là về hình thái và cấu tạo của bộ máy vận động; của một số hệ thống cơ quan trực tiếp tới việc tiếp thu kiến thức ở các lĩnh vực: sinh lý học thể dục thể thao, sinh hoá học thể dục thể thao, vệ sinh học, y học thể dục thể thao, v.v... làm tiền đề cho việc tiếp thu kiến thức khoa học giáp ranh và khoa học chuyên ngành thể dục thể thao. Đây cũng là cơ sở cần thiết để tiếp thu kiến thức sinh cơ học thể thao, cũng như cho phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

9.19 Tâm lý học thể dục thể thao

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực thể dục thể thao làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện Thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

9.20 Sinh lý học thể dục thể thao

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của cơ thể sống, các quy luật hoạt động cơ bản của cơ thể sống và các luật biến đổi do tác động của tập luyện Thể dục thể thao. Nội dung tập trung vào sinh lý các hệ đảm bảo năng lượng cho cơ thể hoạt động, sinh lý hệ vận động và hệ điều hành vận động, sinh lý học Thể thao.

9.21 Sinh hóa học thể dục thể thao

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa các chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng cơ thể. Trên cơ sở nắm vững kiến thức của các môn khoa học đại cương (toán, vật lý, sinh học, hóa học...), môn sinh hóa học thể thao còn cung cấp cơ sở lý luận cơ bản để giúp sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn học Y – Sinh liên quan như: Vệ sinh, Sinh lý học thể dục thể thao, Giải phẫu, Y học thể dục thể thao... đồng thời góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn của thể dục thể thao như tuyển chọn vận động viên, xác định và đánh giá lượng vận động, kiểm tra trình độ vận động viên.

9.22 Anh văn chuyên ngành I

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực Thể thao, trau dồi khả năng sử dụng những kỹ năng giao tiếp cơ bản. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức ngoại ngữ đã học để giao tiếp, đọc hiểu các tài liệu chuyên môn phục vụ cho công tác nghiên cứu chuyên sâu thể thao sau này.

9.23 Anh văn chuyên ngành II

Tiếp tục Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực Thể thao và đặc biệt là kỹ năng giao tiếp với người nước ngoài trong phòng gym, trau dồi khả năng sử dụng những kỹ năng giao tiếp cơ bản. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức ngoại ngữ đã học để giao tiếp, đọc hiểu các tài liệu chuyên môn phục vụ cho công tác nghiên cứu chuyên sâu thể thao sau này.

9.24 Giáo dục học thể dục thể thao

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong thể dục thể thao nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng. Giáo dục thể dục thể thao có mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức – nhân cách cho người tập. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

9.25 Lý luận và phương pháp thể dục thể thao

Trang bị cho sinh viên những cơ sở chung nhất về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, chủ yếu là nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy động tác, rèn luyện thể lực và huấn luyện thể thao. Trên cơ sở đó, từng bước bồi dưỡng năng lực vận dụng những kiến thức ấy vào phân tích, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể có liên quan đến thể dục thể thao trong thực tiễn công tác.

9.26 Sinh cơ thể dục thể thao

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức có giá trị nền tảng và hệ thống về các chuyển động, cân bằng và vấn đề an toàn cho bộ máy vận động trong thể thao, khả năng chịu lực và cách thức tạo ra chuyển động của bộ máy vận động, ảnh hưởng của các ngoại lực lên các chuyển động trong thể thao, ứng dụng các quy luật cơ học trên cơ sở của người trong vận động thể thao, đo lường và kiểm tra sinh cơ, phân tích và hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện hỗ trợ cho việc học, thực hành và luyện tập.

9.27 Toán học thống kê và Đo lường thể dục thể thao

Trang bị cho sinh viên nắm vững các khái niệm, định nghĩa, tính chất trong toán thống kê, rèn kỹ năng tính toán. Trên cơ sở đó vận dụng những kiến thức được học, liên hệ thực tiễn để giải một số bài toán thống kê phục vụ trong lĩnh vực học tập, chuyên môn, nghiên cứu khoa học...

Hiểu được ý nghĩa của đo lường trong thực tế và sự cần thiết phải thực hiện

đo lường trong thể dục thể thao. Nắm vững cơ sở lý thuyết của TEST và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, tổ chức thực hiện các phép đo. Có kiến thức để áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất, đo lường, đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện và thi đấu.

9.28 Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao “ đối tượng nghiên cứu, phương pháp luận, quy trình nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu” góp phần thiết thực vào việc nâng cao kiến thức giúp cho sinh viên thực hành trong thực tiễn nghiên cứu của một đề tài khoa học hay thực hiện một đề tài khóa luận tốt nghiệp có chất lượng cao.

9.29 Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học

Học Phần Giúp cho sinh viên nhận thức được Thể dục thể thao trường học hay là Giáo dục thể chất trong trường học, nó là một bộ phận quan trọng cấu thành nên thể dục thể thao và cũng là một bộ phận quan trọng để cấu thành nên giáo dục ở trường học, đồng thời nó cũng là nền tảng của thể dục thể thao toàn dân, Hiểu rõ vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ của thể thao trường học, nắm được những vấn đề lý luận và thực tiễn về đặc điểm của dạy học TTT, về giờ học thể dục thể thao cũng như các loại hình thể dục thể thao khác nhau được phổ biến trong và ngoài trường, nắm vững các qui luật và nguyên tắc dạy học thể dục thể thao trường học và hiểu rõ các phương pháp trong giảng dạy TTT, nắm vững các yêu cầu chung trong kiểm tra, đánh giá thể thao trường học.

9.30 Kiểm tra Y học thể dục thể thao

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp kiểm tra y học, các chỉ số cơ thể, trước trong, sau hoạt động thể dục thể thao, vận dụng vào quá trình xây dựng và điều chỉnh chương trình huấn luyện, nhằm nâng cao sức khỏe trong tập luyện và thi đấu thể thao.

9.31 Kinh doanh & Marketing thể thao

Trang bị cho sinh viên kiến thức về kinh doanh trong lĩnh vực thể thao và quản trị tài chính trong kinh doanh thể thao, nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quan về phương thức hoạt động kinh tế đối với các sản phẩm vật chất và phi vật chất của thể dục thể thao có giá trị sinh lời trong điều kiện tồn tại nền kinh tế hàng hoá, môn học còn giúp sinh viên nắm cơ sở lý luận và phương pháp cơ bản về thị trường, tạo khả năng tiếp thị trên lĩnh vực thể dục thể thao, nắm được đặc điểm, hành vi người tiêu dùng và lời cuốn được họ, nhất là trên lĩnh vực thể dục thể thao, đồng thời nắm được khái niệm, tác dụng và phương pháp làm việc của người kinh doanh thể dục thể thao.

9.32 Điền kinh

Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản và phổ cập nhất về điền kinh, đồng thời bồi dưỡng cho sinh viên phương pháp giảng dạy,

phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài. Biết dùng các bài tập của môn điền kinh đã học để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động..

9.33 Thể dục

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức khoa học và phương pháp sử dụng các bài tập phát triển thể chất (tay không, có dụng cụ), ngoài ra học phần còn góp phần phát triển các tố chất thể lực cơ bản, rèn luyện các phẩm chất tâm lý, ý chí và đạo đức cho sinh viên. Sau khi học Thể dục sinh viên có năng lực hướng dẫn tập luyện các nội dung Thể dục vì mục đích sức khỏe (chủ yếu là các bài tập phát triển chung và các bài tập với các dụng cụ phổ biến) cho các đối tượng tập luyện. ngoài ra còn giúp các sinh viên có kỹ năng làm công tác trọng tài, tổ chức các giải thi đấu cấp cơ sở và quốc gia.

9.34 Bóng đá

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn Bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài các cấp từ cơ sở đến quốc gia. Hình thành kỹ thuật cơ bản của Bóng đá, phát triển năng lực vận động, biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật, chiến thuật vào thi đấu, hình thành kỹ năng sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. biết hướng dẫn tập luyện và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.35 Bơi lội

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Bơi lội và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, để nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, kỹ thuật xuất phát, những phương pháp giảng dạy bơi ban đầu, cách phòng ngừa chấn thương và cứu đuối và tổ chức thi đấu cũng như trọng tài các cấp. Biết sử dụng bơi lội như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho thể thao chuyên ngành của mình.

9.36 Kick fit

Trang bị cho học viên phương pháp tập luyện và hệ thống kỹ thuật di chuyển tấn công và phòng thủ cơ bản, không chỉ mang đến sức khỏe, độ bền, tăng cường cơ bắp và xương, mà còn trang bị kỹ năng tự vệ tốt nhất cho học viên. Biết vận dụng linh hoạt trong giảng dạy, có khả năng tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và các CLB thể thao.

9.37 Yoga

Cung cấp cho sinh viên phương pháp tập luyện yoga, hệ thống kỹ thuật Yoga căn bản qua đó làm chủ và điều khiển được sự dẻo dai của cơ thể, nâng cao trí tuệ, sức khỏe và tìm được chân giá trị hạnh phúc, Biết vận dụng linh hoạt trong giảng dạy, biết phương pháp làm trọng tài và tổ chức thi đấu. Có khả năng tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở thể dục thể thao, tinh thành ngành và trong hệ thống giáo dục và các CLB thể thao.

9.38 Võ thuật

Giúp sinh viên nắm vững kiến thức tự vệ cơ bản về môn Võ, Giúp cho học viên tự tin, giải tỏa tâm lý tự ti, lo âu trong cuộc sống, qua đó giáo dục được những phẩm chất cần thiết cho học viên. Biết vận dụng linh hoạt trong giảng dạy, có khả năng tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và các CLB thể thao.

9.39 Cờ Vua

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Cờ vua và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và hương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu cũng như trọng tài ở các cấp. Biết sử dụng Cờ vua như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho thể thao chuyên ngành của mình.

Phát triển năng lực vận động, biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật, chiến thuật vào thi đấu. hình thành kỹ năng sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. biết hướng dẫn tập luyện và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.40 Quần vợt

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Quần vợt và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và hương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu cũng như trọng tài ở các cấp. Biết sử dụng Quần vợt như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho thể thao chuyên ngành của mình.

Phát triển năng lực vận động, biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật, chiến thuật vào thi đấu. hình thành kỹ năng sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. biết hướng dẫn tập luyện và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.41 Trò chơi vận động

Giúp cho sinh viên sử dụng trò chơi như phương tiện góp phần củng cố và hoàn thiện các tố chất; sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khả năng mềm dẻo và khéo léo, hình thành con người những kỹ năng kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống và trực tiếp hỗ trợ cho các môn thể thao. Ngoài ra học viên còn nắm được bản chất của trò chơi vận động biết được phương pháp biên soạn, sáng tác và hướng dẫn trò chơi vận động.

9.42 Golf

Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ thuật môn Golf trong chuyên ngành giáo dục thể chất (GDTC), đây là môn thể thao hiện đại. Đồng thời có khả năng vận dụng những tri thức này vào thực tế trong việc huấn luyện và giảng dạy phong trào thể dục thể thao.

9.43 Đá cầu

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Đá cầu và những kỹ năng thực hiện kỹ thuật và hương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu cũng như trọng tài ở các cấp. Biết sử dụng Đá cầu như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho thể thao chuyên ngành của mình.

9.44 Khiêu vũ

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Khiêu vũ và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, để nắm vững nguyên lý kỹ thuật và những phương pháp giảng dạy Khiêu vũ, có kỹ năng tổ chức thi đấu cũng như trọng tài các cấp. Biết sử dụng Khiêu vũ như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho thể thao chuyên ngành của mình.

9.45 Xe đạp – Gym

Nhằm trang bị kiến thức cơ bản nhất về kỹ thuật môn xe đạp, các nguyên tắc, phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn xe đạp. Biết vận dụng linh hoạt trong giảng dạy. Có khả năng tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện.

9.46 Body Pump – Gym

Giúp cho người học ghi nhớ và hiểu rõ các kỹ thuật của body Pump. Thực hiện thành thạo các bài tập hỗ trợ kỹ thuật và các bài tập phát triển các tổ chất thể lực. Nắm được các phương pháp sư phạm để tổ chức lớp và giảng dạy môn Body Pump.

9.47 Body Combat – Gym

Trang bị cho người học các kỹ thuật cơ bản, nội dung và cấu trúc của một bài Bodycombat. phương pháp tập luyện và phòng chống chấn thương trong môn Bodycombat. Người học có thể tự tập nâng cao lượng vận động, khả năng phối hợp vận động của bản thân.

9.48 Aerobic step – Gym

Giúp cho người học ghi nhớ và hiểu rõ các kỹ thuật cơ bản môn Aerobic. Lập được nội dung và cấu trúc của một bài Aerobic. Sau khi học xong người học có thể tự tập nâng cao lượng vận động, khả năng phối hợp vận động của bản thân. Phát huy được khả năng biểu diễn và cảm nhận âm nhạc. Thực hiện thành thạo các bài tập hỗ trợ kỹ thuật và các bài tập phát triển các tổ chất thể lực. Tiếp xúc tập luyện và hoàn thiện các kỹ thuật độ khó cơ bản của môn Aerobic.

9.49 Zumba – Gym

Giúp cho người học phát huy được khả năng biểu diễn và cảm nhận âm nhạc. ghi nhớ và hiểu rõ các kỹ thuật cơ bản của Zumba. Xây dựng bài tập và có thể tự tập nâng cao lượng vận động, khả năng phối hợp vận động của bản thân. Nắm được các phương pháp sư phạm để tổ chức lớp và giảng dạy môn Zumba.

tốt và trong nghề nghiệp sau này để phát triển phong trào đáp ứng thực tế nhu cầu của XH.

9.57 Thể thao chuyên ngành 1

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy, huấn luyện Fitness cơ bản (boyweight, Ball,), giúp sinh viên phát triển cả về hình thái, chức năng và thể lực, có đầy đủ kiến thức xây dựng chương trình, giáo án tập luyện phục vụ công tác giảng dạy và huấn luyện đạt kết quả cao.

9.58 Thể thao chuyên ngành 2

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy, huấn luyện Fitness nâng cao (boyweight, TRX, balance ball), giúp sinh viên phát triển cả về hình thái, chức năng và thể lực, có đầy đủ kiến thức xây dựng chương trình, giáo án tập luyện phục vụ công tác giảng dạy và huấn luyện đạt kết quả cao.

9.59 Thể thao chuyên ngành 3

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy, huấn luyện Bodybuilding cơ bản (Gym machines, Cable Crossover Machine) giúp sinh viên phát triển cả về hình thái, chức năng và thể lực, có đầy đủ kiến thức xây dựng chương trình, giáo án tập luyện phục vụ công tác giảng dạy và huấn luyện đạt kết quả cao.

9.60 Thể thao chuyên ngành 4

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy, huấn luyện Bodybuilding nâng cao (dumbbell, barbel, kettlebell) giúp sinh viên phát triển cả về hình thái, chức năng và thể lực, có đầy đủ kiến thức xây dựng chương trình; giáo án tập luyện phục vụ công tác giảng dạy và huấn luyện đạt kết quả cao.

9.61 Thể thao chuyên ngành 5

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy, huấn luyện Bodybuilding nâng cao (dumbbell, barbel, kettlebell) giúp sinh viên phát triển cả về hình thái, chức năng và thể lực, có đầy đủ kiến thức xây dựng chương trình; giáo án tập luyện phục vụ công tác giảng dạy và huấn luyện đạt kết quả cao.

9.62 Thể thao chuyên ngành 6

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật, phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy, huấn luyện Group X, giúp sinh viên phát triển cả về hình thái, chức năng và thể lực và có đầy đủ kiến thức xây dựng chương trình tập, giáo án tập luyện phục vụ công tác giảng dạy và huấn luyện đạt kết quả cao.

9.63 Thể thao chuyên ngành 7

Trang bị cho học viên hệ thống kỹ thuật thi đấu Thể hình – Fitness, nguyên tắc, phương pháp thi đấu Thể hình – Fitness.

9.64 Thực tập sư phạm 1

Sinh viên đã được đi thực tập tại các Trung tâm Thể thao, hệ thống trường học, CLB Gym - Fitness để thực hành trợ giảng, hướng dẫn, giảng dạy nhận được sự giúp đỡ của giáo viên tại các cơ sở. Đây là giai đoạn giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao đổi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các Trung tâm, trường học, công ty, cơ sở bên ngoài nhà trường. Nhằm giúp sinh viên có vốn kiến thức phù hợp với nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng ra khi ra trường.

9.65 Thực tập sư phạm 2

Sinh viên đã được đi thực tập tại các Trung tâm Thể thao, hệ thống trường học, CLB Gym - Fitness để thực hành trợ giảng, hướng dẫn, giảng dạy nhận được sự giúp đỡ của giáo viên tại các cơ sở. Đây là giai đoạn giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao đổi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các Trung tâm, trường học, công ty, cơ sở bên ngoài nhà trường. Nhằm giúp sinh viên có vốn kiến thức phù hợp với nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng ra khi ra trường.

9.66 Khóa luận tốt nghiệp

Giúp cho sinh viên có hiểu biết, có kiến thức tập làm khoa học cũng như biết vận dụng khoa học vào thực tiễn. Sinh viên được làm việc một cách khoa học, logic hơn, sẽ biết cách tìm kiếm tài liệu, tìm hiểu, xâu chuỗi và trình bày theo một trình tự khoa học. Các kỹ năng trên đều cần thiết cho sinh viên khi ra trường và làm việc, sinh viên muốn làm khóa luận thì học lực cũng phải ở mức khá giỏi trở lên.

9.67 Giáo dục học sinh, vận động viên trẻ

Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về môn học, hiểu biết về tinh thần thể thao cao thượng, giáo dục học sinh, VĐV về nhân cách thể thao trong tập luyện và thi đấu. Qua đó, có hiểu biết để vận dụng vào công việc, tập luyện và cuộc sống.

9.68 Lý luận và phương pháp huấn luyện thể dục thể thao trẻ

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học, biết vận dụng kiến thức vào trong qua trình đào tạo, huấn luyện học sinh, VĐV trẻ, đạt được mục đích, nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp thể dục thể thao sau này.